TOÀ ÁN NHÂN DÂN **HUYỆN Đ** TỈNH ĐIỆN BIÊN	**CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 05/2019/HNGĐ-ST
Ngày 18/ 4/ 2019
V/v: "Tranh chấp ly hôn"

NHÂN DANH
N□ ỚC CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TOÀ ÁN NHÂN DÂN HUYỆN Đ, TỈNH ĐIỆN BIÊN

Với thành phần hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

- Thẩm phán chủ toạ phiên toà: Bà Bạc Thị Liên
- Các hội thẩm nhân dân: 1. Ông Lò Văn Ơn
  2. Bà Bạc Thị Kiên

- Th- ký Toà án ghi biên bản phiên toà: Bà Trần Thúy Dần - Thẩm tra viên Tòa án nhân dân huyện Đ.
- Đại diện VKSND huyện Đ, tỉnh Điện Biên tham gia phiên toà: Ông Phạm Khá - Kiểm sát viên

Ngày 18/4/2019. Tại trụ sở Toà án nhân dân huyện Đ, tỉnh Điện Biên mở phiên tòa xét xử sơ thẩm công khai vụ án hôn nhân và gia đình thụ lý số: 33/2018/TLST - HNGĐ ngày 18 tháng 12 năm 2018 về tranh chấp hôn nhân và gia đình, theo quyết định đ- a vụ án ra xét xử số: 02/2019/QĐXX-ST ngày 05/03/2019 và quyết định hoãn phiên tòa số 02 ngày 21/3/2019 giữa các đương sự:

1. Nguyên đơn: Chị Trần Thị N, sinh năm 1978.
Trú tại: C4, xã T, huyện Đ, tỉnh Điện Biên (Có mặt).
2. Bị đơn: Anh Đàm Cung H. Tên gọi khác: Đàm Văn H, sinh năm 1964.
Nơi ĐKHKTT: Đội 10, xã Thanh X, huyện Điện Biên.
Trú tại: C4, xã T, huyện Đ, tỉnh Điện Biên. (Vắng mặt không có lý do).

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo đơn khởi kiện xin ly hôn đề ngày 17/12/2018 và các bản tự khai tại Tòa án nhân dân huyện Điện Biên, chị Trần Thị N (nguyên đơn) trình bày:

1. Về hôn nhân: Tôi và anh H đăng ký kết hôn tại UBND xã Thanh X vào ngày 16/01/2017, hôn nhân tự nguyện, không bị ai ép buộc. Chung sống hạnh phúc được gần 02 năm thì phát sinh mâu thuẫn. Nguyên nhân do trước khi kết hôn không biết anh H bị nghiện chất ma túy, sau thời gian chung sống đã bắt được anh H sử dụng ma túy 02 lần. Tôi và gia đình đã khuyên bảo anh H từ bỏ ma túy nhưng anh H không nghe vẫn tái nghiện, nhiều lần còn hành hung đe dọa tôi mâu thuẫn ngày càng trầm trọng làm cuộc sống của tôi rơi vào trạng thái khủng khoảng không có lối thoát. Tôi xét thấy tình cảm giữa tôi và chồng không

còn cuộc hôn nhân không có hạnh phúc nên tôi viết đơn này đề nghị Tòa án nhân dân huyện Đ giải quyết cho tôi được ly hôn với anh Hoàng

2.Về con chung: Chị N khai vợ chồng không có con chung. Con riêng của chị không đề nghị Tòa giải quyết.

3. Về tài sản: Tài sản riêng; tài sản chung; nợ phải trả; nợ lấy về và diện tích ruộng nương: Chị N không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Ngày 21/12/2018, sau khi thụ lý vụ án Toà án nhân dân huyện Đ đã thông báo nội dung đơn xin ly hôn với các yêu cầu cụ thể của chị N cho anh H biết. Niêm yết thông báo thụ lý vụ án cho anh H nhận. Nhưng trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày được thông báo thụ lý vụ án, anh H không hợp tác và cũng không có ý kiến phải hồi bằng văn bản cho Tòa án. Tòa đã triệu tập nhiều lần và tiến hành thông báo kiểm tra chứng cứ và hòa giải, niêm yết thông báo phiên họp kiểm tra chứng cứ và hòa giải vụ án tại nhà anh H và tại UBND xã T, nhưng anh H vẫn không đến Tòa. Do vậy Tòa án vẫn tiến hành giải quyết vụ án theo qui định của bộ luật tố tụng dân sự và luật hôn nhân gia đình đối với các đương sự. Ngày 05/3/2019 Tòa án nhân dân huyện Đ đã ra quyết định xét xử và đã tống đạt hợp lệ cho anh H nhưng anh H vẫn vắng mặt không có lý do. Tòa án đã hoãn phiên Tòa. Và tiến hành niêm yết quyết định hoãn phiên tòa. Tại phiên tòa hôm nay bị đơn anh Đàm Cung H đã được triệu tập hợp lệ 02 lần nhưng vẫn vắng mặt không có lý do chính đáng, căn cứ quy định tại Điểm b Khoản 2 Điều 227/BLTTDS, HĐXX vẫn tiến hành xét xử.

Tại phiên tòa hôm nay, chị N vẫn giữ nguyên yêu cầu Tòa án giải quyết ly hôn, về con chung không có, con riêng không yêu cầu Tòa giải quyết và không yêu cầu Tòa án giải quyết quan hệ tài sản như nội dung trong đơn khởi kiện và bản tự khai chị đã trình bày.

Ý kiến của đại diện viện kiểm sát tại tòa: Việc tuân theo pháp luật tố tụng của thẩm phán, thư ký, Hội đồng xét xử trong quá trình tố tụng và tại phiên tòa đều tuân thủ các quy định của Bộ luật tố tụng dân sự. Quan điểm giải quyết vụ án chấp nhận yêu cầu xin ly hôn của nguyên đơn. Về con chung không có. Về tài sản không yêu cầu Tòa giải quyết.Về án phí nguyên đơn phải chịu án phí DSST

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án, qua thẩm tra tại phiên toà. Hội đồng xét xử nhận định:

[1]. Về Tố tụng. Bị đơn có địa chỉ tại Đội 10, xã T, huyện Đ, tỉnh Điện Biên do vậy vụ án xin ly hôn thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân huyện Điện Biên. Tòa án nhân dân huyện Đ đã thực hiện đúng qui định tại các Điều 177; 179/ BLTTDS, việc anh H không thực hiện quyền và nghĩa vụ được quy định tại các Điều 70; 72/BLTTDS là do anh H đã tự từ bỏ quyền và nghĩa vụ của mình. Cho nên căn cứ Điểm b Khoản 2 Điều 227/BLTTDS(2015). HĐXX vẫn tiến hành xét xử.

[2] .Về quan hệ hôn nhân: Chị Trần Thị N và anh Đàm Cung H tổ chức lễ cưới và có đăng ký kết hôn tại UBND xã T, huyện Điện Biên. Do vậy hôn nhân

giữa hai người là hợp pháp. Quá trình chung sống phát sinh mâu thuẫn do anh H có sử dụng chất ma túy không quan tâm đến vợ con dẫn đến mất lòng tin với nhau, chị N đã khuyên bảo nhưng anh H vẫn tái nghiện nên mâu thuẫn ngày càng trầm trọng. Tại biên bản xác minh tình trạng hôn nhân do Tòa án thu thập tại UBND xã T và xã Thanh X, huyện Đ cho thấy anh H và chị N về chung sống với nhau một thời gian thì phát sinh mâu thuẫn do anh H không tu chí làm ăn, lại mắc nghiện ma túy anh H sinh sống hai nơi lúc ở nhà chị N tại C4 xã T thì luôn gây mất trật tự tại thôn xóm đã được thôn xóm hòa giải nhắc nhở nhưng vẫn không giải quyết được mâu thuẫn nhiều lần xảy ra xô sát hai anh chị không có con chung. Bản thân anh H vẫn thi thoảng về nhà tại đội 10 xã T, huyện Đ sinh sống. Bản thân chị N xét thấy tình cảm không còn và đề nghị Tòa án giải quyết cho chị được ly hôn với anh H.

Hội đồng xét xử xét thấy, để đảm bảo quyền lợi của chị N và để giải phóng cho chị thoát khỏi tình trạng hiện tại khi mà cuộc hôn nhân không thể đem lại hạnh phúc cho chị, mâu thuẫn trầm trọng, đời sống chung không thể kéo dài, vì mục đích của hôn nhân không đạt được. Hai anh chị thường xuyên xảy ra xô sát do anh H bị nghiện chất ma túy. Như vậy không thể đảm bảo hạnh phúc gia đình cho chị N. Áp dụng Điều 51, và Điều 56 Luật hôn nhân gia đình năm 2014 chấp nhận yêu cầu của chị Nga xử cho ly hôn giữa chị Trần Thị N và anh Đàm Cung H.

[3].Về con chung: Chị N và anh H không có con chung.

Về con riêng: Chị N có một con riêng nhưng chị không yêu cầu Tòa giải quyết.

[4]. Về tài sản: Tài sản riêng; tài sản chung; nợ phải trả; nợ lấy về và diện tích ruộng, nương: Chị N không yêu cầu Tòa án giải quyết, nên Hội đồng xét xử không giải quyết trong vụ án này.

[5]. Về án phí: Căn cứ Khoản 4 Điều 147/BLTTDS. Điểm a Khoản 5 Điều 27 Nghị quyết 326/2016/UBTVQH 14 của Uỷ ban thường vụ Quốc hội về án phí, lệ phí Toà án. Chị Trần Thị N phải chịu 300.000đ tiền án phí dân sự sơ thẩm.

Vì các lẽ trên.

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ: Điều 51, Khoản 1 Điều 56 của Luật hôn nhân và gia đình năm 2014.

Tuyên xử:

1. Về hôn nhân: Chị Trần Thị N được ly hôn với anh Đàm Cung H (Đàm Văn H)

2. Về con chung: Không có

3. Về tài sản: Chấp nhận việc không yêu cầu Toà án giải quyết về tài sản của chị Trần Thị N.

4. Về án phí: Căn cứ Khoản 4 Điều 147/BLTTDS. Điểm a Khoản 5 Điều 27 Nghị quyết 326/2016/UBTVQH 14 của Uỷ ban thường vụ Quốc hội về án phí, lệ phí Toà án. Chị Trần Thị N phải chịu 300.000đ tiền án phí dân sự sơ thẩm, chị Nga đã nộp tạm ứng số tiền 300.000đ theo biên lai số: AA/0003056 ngày

18/12/2018 tại Chi cục thi hành án dân sự huyện Đ. (chị N đã nộp đủ án phí dân sự sơ thẩm).

Nguyên đơn có mặt được quyền kháng cáo bản án trong hạn 15 ngày, kể từ ngày tuyên án sơ thẩm. Bị đơn vắng mặt có quyền kháng cáo bản án trong hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án chính, hoặc bản án được niêm yết.

***Nơi nhận*:**
- TAND tỉnh Điện Biên;
- VKSND huyện ĐB;
- Chi cục THA huyện ĐB;
- Các đương sự;
- UBND xã T;
- Lưu.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
Thẩm phán – Chủ tọa phiên tòa

Bạc Thị Liên

HỘI ĐỒNG XÉT XỬ

HỘI THẨM NHÂN DÂN	THẨM PHÁN CHỦ TỌA PHIÊN TÒA	HỘI THẨM NHÂN DÂN
Lò Văn Ơn	**Bạc Thị Liên**	**Bạc Thị Kiên**